

communal house (n)

/kə'mju:nəl haʊs/

nhà rông (nhà sinh hoạt cộng đồng)



crop (n)

/krɒp/

cây trồng, mùa màng



gong (n)

/gɒŋ/

cồng, chiêng



harvest (n)

/'hɑ:vɪst/

vụ thu hoạch



highland (n)

/'haɪlənd/

vùng cao, miền núi



livestock (n)

/'laɪvstɒk/

gia súc

LIVEWORKSHEETS